

THIÊN GIẢI THÍCH SA-DI

Sa-di như chú giải hai lần giải thích là chia chữ giải nghĩa, đều là hai lợi tự tha và hai hạnh chỉ tác, nhưng ban đầu đều y cứ bốn chí xuất gia, sau y cứ khởi đầu ngược tình thế tục, vì thế tục làm việc ác không có lòng từ.

Ký Quy Truyện chép: Thọ mười giới rồi gọi là Thất-la-mạt-ni-la, Hán dịch là Cầu Tịnh. Cầu là chí vô lậu, Tịch là lý Vô sinh, y theo biết Sa-di tiếng Phạm lâm lược. Hạnh riêng, chữ hạnh chung hai âm bình khứ, nếu bình thanh nghĩa là ba thiên này ở trước do đường bên ngoài nhiếp nhau, nếu khứ thanh tức ba thiên này khác với bốn bộ đại Tăng ở trước. Riêng hành hạnh riêng, hai lần giải thích đều chung.

Trong bày ý, hai câu trên của câu đầu là ngôi vị, trong đây phải chia hình, đồng và pháp đồng. Nếu chỉ cạo tóc gọi là Sa-di hình đồng, nếu thọ mười giới gọi là Sa-di Pháp đồng. Hai câu kế nói bốn chí, câu trên nói là ban đầu, câu dưới bày rốt sau. Huyền Tịch không gọi là Phật giáo, chỗ xa thẳng thì chỉ cho quả Phật. Lại hai câu kế nữa là bày luật đáng nương, hai câu sau bác bỏ thế tục không dạy bảo.

Khoa kế, ban đầu bày cốt yếu của hai pháp. Đạo do lòng tin mà lập cho nên là nguồn đạo, đức từ tin sinh cho nên là mẹ của các công đức. Trị nghiệp do năng lực của trí, phá hoặc do sự chiếu soi của trí cho nên là nhân giải thoát. Chẳng có lòng tin thì đạo đức không do đâu mà phát, chẳng có trí thì nghiệp hoặc không có gì để dứt trừ. Người xuất gia vì đạo cầu giải thoát cho nên nói rằng: “Trước phải có hai món này”. Chữ như trở xuống là bày lỗi không nói, ban đầu nói hình và tâm lẫn lộn với thế tục. Chữ sở trở xuống là kế hiển, lý do của ngu pháp. cạo thủ là bạc đầu, xoay mặt vào tường không thấy. (Luận Ngữ nói: “Người mà không vì khắp nam gọi nam thì người ấy giống như đứng xoay mặt vô tường” Hai chữ nam thống gọi ở thi). Không tin thì trí không phát, không trí thì không mến đạo, ăn no mặc ấm nhà nhả trọn đời, cho nên nói rằng “Chỉ việc nuôi thân, v.v...”.

Trong ý xuất gia nêu bảy khoa: ba khoa trước nói công, ba khoa kế nói hạnh, một khoa sau quyết nghi. Trong tùy giải thích, khoa đầu hai bài kệ Hoa Nghiêm xuất gia tu đạo, kệ đầu mở bày cho biết, bài kệ kế dẫn dắt khiến xuất gia. Nếu Như lai không xuất gia, thì sẽ nối tiếp ngôi Kim Luân Vương, cho nên nói là bỏ nước, tịch tịnh là lý Niết-bàn. Chữ dĩ trở xuống là kết bày Bồ-tát, tức Bốn Sư Thích-ca, ở đây nói xuất gia. Từ nhân bày hiệu v.v... trở xuống là chỉ cho hai kinh, nói đủ là kinh Na-già-la-việt Vấn Bồ-tát Hạnh, kinh ấy nói: Phật bảo Na-già “Bồ-tát xuất gia thường nghĩ tinh tấn, trí tuệ không đắm trước, như cứu lửa cháy đầu”, còn bao nhiêu rộng như kinh Niết-bàn nói: “Tại gia ép ngặt như lao ngục, tất cả phiền não do đó mà sinh. Xuất gia rảnh rang giống như hư không, tất cả pháp lành do đó mà thêm lớn”. Đại Tiểu thừa giáo

Tịnh Trụ Tử nói xuất gia có mười tám pháp khó thực hành mà thực hành được.

Cha mẹ là hiếu luyện, khó bỏ mà có thể già từ cha mẹ.

Vợ con là ân nhiễm khó đoạt mà cắt được ái.

Địa vị thế lực là cái mà vật tình tranh giành mà bỏ được vinh hoa.

Đói khổ là điều người khó nhẫn, mà tiết chế được sự ăn uống.

Vị ngon là điều người ưa thích mà chịu nuốt đồ ăn dở.

Kiểu cần là điều người nhàm chán mệt mỏi mà có thể tinh tấn siêng năng khổ nhọc.

Bảy báu là sự xẻn tiếc của con người mà bỏ lìa được.

Tiền lựa là vật mà người chứa để mà bỏ được.

Tôi tớ là người giúp đỡ hầu hạ mình mà tự làm chứ không sai.

Năm sắc là ái mà người rất ưa nhìn mà xả bỏ không thêm đoái hoài.

Tám âm mọi người tranh nghe mà dứt bỏ không muốn nghe.

Đồ trang sức láng mịn là vật mọi người ưa đắm mà có thể thân khô không ngại.

An thân dưỡng thể là điều mà người cùng đồng mà có thể quên thân bỏ mạng.

Ngủ nghỉ là điều không thể khỏi mà ngày đêm không hề ngủ.

Bạn bè là chuyện hàng nhóm mà lại ở chỗ vắng tự xem xét mình.

Người tại gia ăn ngon không biết dứt gắp miệng thấy như đồ độc.

Người tại gia ngày đêm không cam chịu, mà minh kỳ hạn thời gian.

Người tại gia bụng trống thì nhà đẹp sánh đôi mà mình ở nơi gò mả xa lìa đắm trước.

(Đây là Văn Tuyên Vương Tiêu đời Tề, bởi chọn cốt yếu cho nên chép ra).

Môn kế, trong phần năng khuyên, kinh Hoa Thủ nói được quả báo. Ban đầu gồm bày quả báo cao quý, chuyển tâm là quả báo đời sau, hiện tăng tức hiện báo lành đến. Đạo thành Sơ quả nhờ Phật đích thân độ, lời vãng một phen gọi râu tóc tự rụng, ca-sa đắp thân, hoa sen hoá thân không thọ bào thai. Chữ cố nhất trở xuống là trình bày riêng bốn pháp.

- Giải thoát

- Tinh tấn
- Nhẫn nhục
- Làm lợi ích

Mỗi pháp đều tự làm và giáo hoá người. Trong đây dùng pháp thứ nhất, còn ba pháp kia nhân nhau mà dẫn.

Trong kinh Công đức, ban đầu là chánh nói, thứ hai là dụ hiển, thứ hai lại có hai: vì đạo gia công đức vô lậu, cúng Phật dựng pháp đều là phước hữu lậu, cho nên không bì kịp. Một ngày một đêm là nêu ít dụ nhiều. Trong kinh ấy A-nan hỏi Phật: “Nếu có một người khuyên người xuất gia hoặc mình xuất gia được bao nhiêu phước? Nếu ngăn cản người khác xuất gia thì chịu tội báo gì?”

Phật bảo A-nan: Nếu trong trăm năm ông hỏi ta, ta trừ lúc ăn uống, dùng trí tuệ vô tận đủ cả trăm năm vì ông nói công đức của người này còn không thể hết. Nếu có người ngăn cản nhân duyên người khác xuất gia thì người này ở trong ba đường ác thường chịu đui mù. Nếu làm người khi thọ thai trong bụng mẹ liền bị mù, cả trăm năm ông thường hỏi nghĩa này, cả trăm năm ta dùng trí vô tận nói tội báo này cũng không thể hết.”

Khoa kế, Trí Luận nói có hai duyên. Ban đầu duyên ni, kia nói rằng “Như hoa Ưu-bát-la (tức hoa sen) Kinh Tỳ-kheo-ni Bốn Sinh chép “Lúc Phật còn ở đời vị Ni này chứng quả A-la-hán giáo hoá các phụ nữ xuất gia, các phụ nữ ấy nói “chúng con giữ giới khó, sợ phá giới địa ngục” Vị Ni nói: “Đọa thì đọa lâu cũng có ngày ra, ta nhớ khi xưa từng làm nữ nghệ sĩ, do mặc ca-sa diễn kịch mà đến thời Phật Ca-diếp được xuất gia, lại do phá giới cho nên đọa địa ngục, nay gặp đức Thích-ca lại được xuất gia giải thoát”

Kế dẫn duyên Bà-la-môn, kia chép rằng: Phật ngự tại Kỳ Viên, người kia vì say đến chỗ Phật xin Phật độ. Phật sai A-nan độ, người kia lúc hết say liền bỏ về nhà, Tỳ-kheo hỏi Phật, Phật đáp “Như bài kệ xuất gia trong sao:

*“Chim công tuy có sắc thân đẹp
Không bằng Bồ câu bay được xa
Cư sĩ tuy có sức sang giàu
Không bằng xuất gia công đức hơn”*

Sau dẫn kinh luật dùng gốc lành trong chốc lát ngăn ác báo nhiều đời, đời kiếp nhiều ít tùy duyên ứng cơ không nhất định.

Trong phần ba, xuất gia đã có công đức, chướng thì tổn lớn. Trong kinh lưu ngại như bà con không cho, ức chế như vua quan cấm đoán. Ác

nhóm như biển là nói lên nghiệp nặng. Bệnh hủi là hiện báo. Vào địa ngục là hai báo sinh, hậu, còn bao nhiêu như trên đã dẫn.

Trong phần bốn, khoa đầu kinh Bảo Tích nói hai sự ràng buộc dụ như không tự tại, hai ung dụ cho ba món này, đều dụ tự tâm, người trí nên tự soi xét dè dặt chớ khinh thường. Vì là người. Kiến là chống kiến, nghĩa gồm nơi danh, đây là lợi căn. Lợi dưỡng tức tài vật lại gồm cả sắc dục, đây là độn căn. Nghiệp sơ chép: Độn căn tham tài sắc, lợi căn đắm danh và kiến chấp. Bốn lợi gồm thân không đâu chẳng cùng tận. Niết-bàn là đói rét, vì người xuất gia y thực để được, thấy có người trí giới xua đuổi giết hại vì tự mình không có giới đức sợ hình tượng không bằng mất đi lợi dưỡng sinh tâm ganh ghét.

Khoa kế, tội tướng rất nhiều, theo tâm gồm nhiếp, lại bày năm món, cho nên nói là “đồng”. Mến thân cầu lợi thuộc về tham, ganh ghét thuộc sân san, tức là si lại tức đủ ba độc, là gốc nghiệp ác (không cần phối đây với ba dụ ở trước). Sau chỉ riêng Sao, chưa rõ văn nào, nay thấy ở nghiệp Sơ thế gian, ban đầu đến giới hạnh là trì giới, giới thủ kiến, kiến là chấp kiến do chuyên trì giới gọi là giới thủ, lại do giới là thượng thắng nên gọi là kiến thủ, đây là năm lợi là thượng thắng, nên gọi là kiến thủ, đây tức năm lợi sử trong hai sử, cho nên nói rằng phiền não cõi dục, hạ nghiệp tức là nhân đạo, dầu được sinh lên cõi trời chỉ ở sáu tầng trời cõi Dục.

Chữ nếu trở xuống là nói tu định, tức là Tứ thiền, từ không định, học rộng giảng tụng tức tu tập tuệ chuẩn có thể biết. Tu đạo tự hạnh khó phân, tự chẳng hiểu người do đâu mà biết được.

Khoa kế, Trí Luận chỗ bày đối trên có thể thấy gọi chung là pháp thế gian tức trời người lành. Nhưng thế gian hay xuất thế gian y cứ tâm khác nhau, đến bày sự hạnh cũng không có khác, thành bàn vui ở đời là ít lợi, Thánh đạo xuất thế là lợi lớn, tâm riêng sự đồng, nghĩa cũng như trên.

Trong phần sáu, khoa đầu nói về khó làm. Chữ kim trở xuống là nói phải làm. Chữ kinh trở xuống là gồm nêu vô thí chưa từng, nói thánh hạnh khó thành. Đắm mê tập quán (thói quen) ở đời là nói lý do khó thành. Trong kinh chỉ chung ba tạng. Trong nêu bày, ba quán đều nói là quán sự, sự tức là cảnh, tâm nương cảnh khởi, tùy cảnh lập quán, nghĩa là sắc, tâm, ấm, nhập, giới, hữu tình, vô tình, thiện, ác, vô ký v.v... nếu luận trí giải phải thông suốt các pháp, nếu trong khi quán, tâm là chủ yếu. Tùy chỗ tâm khởi, khởi tức là sự, hoặc thiện hoặc ác, ba lý chiếu nên biết. Diên đảo chỉ có vọng chấp, vốn không thật có, tùy tâm động

dụng tất cả đều không. Tức tướng biết huyền gọi là tướng không, suốt tướng là tâm, gọi là Duy thức, giống như việc mộng. Hoặc suy mộng tướng tư đầu sinh diệt, hoặc biết giác mộng ngay tướng là không thật, hoặc biết duy tâm chỗ biến hiện không có việc mộng riêng khác. Dù trên la quán, lược biết cạn sâu nhưng hạnh vị có ba:

Quán cảnh một chỗ gọi là sư

Thấy lý hai, hai món tánh tướng ở trước tuy khác nhưng đều dùng Không làm lý.

Một món sau dùng Tâm làm lý.

Hai món trước là quyên, một món sau là thật, nhưng xuất gia hơn thế tục, học chung ba thừa, nay nương Nghiệp Sở y cứ khai hội ý chuyên chỉ Phật thừa làm gốc xuất gia.

Trong tánh không, câu đầu nói về ngôi vị, câu kế nói về hành quán, hai câu sau là thấy lý, do ngã, nhân, thiện ác tánh vốn tự không, duyên hội thì sinh, duyên tam liên diệt, chỗ sinh diệt diệt gọi là lý không, tức là chỗ cùng cực của Nhị thừa. Kế trong tiểu Bồ-tát, cả ba vị, hành, lý đồng cách phân ở trên. Thứ ba trong đại Bồ-tát, câu đầu nêu vị, câu kế nói lý quán pháp duy tâm tức sự hiển lý, câu dưới nói hạnh do tất cả các pháp vốn chỉ một thức, ngoại một thức không còn có pháp khác. Từ vô thỉ vọng động chấp ngang trái tâm cảnh bèn có kia có đây, đều từ ý là vọng khởi chấp trước, do chấp trước cho nên vọng tạo danh ngôn. Kể trí muốn sở quán duy thức quyết dùng ý ngôn làm cảnh sở quán, do ý ngôn này đều là một thức quyết dùng ý ngôn làm cảnh sở quán, do ý ngôn này đều là một thức, ở đây không lìa nghĩ bàn, rõ ràng chẳng thể nghĩ bàn, tức đối với sai biệt rõ suốt không sai biệt.

Chữ cố trở xuống là dẫn chứng. Nguyên lạc tức Thập Tín, cứu cánh tức Diệu Giác, lược khoảng giữa Tam Hiền, Thập Thánh, Đẳng Giác nên nói là “cho đến”, như thiên sám có dẫn đủ. Trong danh quán câu tuyệt, duy thức lìa đoạn thường tức là Trung đạo. Duyên ý ngôn làm cảnh như trên đã nói.

Trong phần ba, câu đầu nói cốt yếu ba quán ở trên. Hai thừa đại tiểu giáo, lý, hạnh, quả tất cả đầy đủ, pháp môn tuy nhiều nhưng không ngoài đây, nên nói là “có pháp khác không riêng”. Trên dưới chỉ lược, hai câu trên chỉ cho chánh hạnh. Nói hai món trên, là ba quán trên, hai quán trước là Tiểu thừa, một quán sau là Đại thừa, tức Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau, cho nên nói là “biệt hạnh”. Như các điều nói ấy, hoặc chỉ ngay Sao, tức là thiên sám, hoặc chỉ văn khác tức như Nghiệp Sở. Chữ nhược nếu trở xuống là kể chỉ các hạnh, phương tiện tức tu, quỹ độ

trừ nghi nghĩa là phá chấp, biện ma bỏ chướng nghĩa là phá ba chướng. Chữ yếu trở xuống hai câu là bao gồm ba việc trên. Môn biệt hạnh tức là đạo, Thiền sư chỉ nói hành pháp của phàm, Thánh. Ba khoa trên gồm nói về nhân mười cõi nên đều gọi là Hạnh, hễ tội tức là hạnh ba đường, phước phàm tức hạnh Tu-la, trời, người. Thánh đạo tức hạnh Ba thừa quả Phật, trái tâm bày hạnh khiến biết nhân quả, bỏ tội tu phước, sửa phàm thành Thánh, nhằm Tiểu mền Đại, đến nhất Phật thừa làm gốc học của xuất gia, tức giới Bốn nói rằng: “ Nếu có người vì mình muốn cầu Phật đạo” chính là ở đây.

Trong phần bảy, tướng quyết định đồng khác, đồng là phương tiện tấn tu, chỉ là ba môn học vì không có đường khác. Khác chính là tâm chí rộng hẹp, cho nên chia hai thừa dụng cho riêng khác. Trong phần nêu chung, hai câu trên tiếp trước, chữ kim trở xuống là chánh chỉ bày.

Trong giới Tiểu thừa, duyên thân miệng nghĩa là thế chấp. Phạm tâm là suy gốc nghiệp, ở đây nói theo Tông không của Tứ Phần. Chữ chấp trở xuống hai câu là nói trì mất, hoặc chỉ mền trời người thì dính mắc phước phàm. Hoặc chấp trí đạo thì đọa vào lợi sử. Chữ vi trở xuống hai câu là nói phạm báo.

Khoa kế, trước nói định học, lại có hai: hai câu đầu nói chỗ tu tức tánh không ở trước. Danh sắc tức là cảnh sở quán, một uẩn là sắc, bốn uẩn là tâm, tâm đạo mờ mịt, chỉ có tên chung, cho nên gọi chung là danh. Duyên tu là năng quán, tâm sinh diệt tức lý sở kiến, cho hai pháp sắc tâm niệm niệm sinh diệt, vì sinh diệt cho nên vô thường, vô thường cho nên không tánh, không tánh nên vắng lặng, vắng lặng là lý chân như Niết-bàn diệt đế.

Kệ Niết-bàn chép: “Các hạnh vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”.

Thanh văn, Duyên Giác thừa, pháp tuy khác mà thấy lý thì đồng, cho nên nói rằng “Nhị thừa đồng quán” v.v... Tứ đế của Thinh Văn và mười hai nhân duyên của Duyên giác, chỉ là sự khác nhau của giáo môn khai hợp, dùng lý dung giáo cho nên nói là không khác nhau. Khổ tập và mười hai duyên sinh diệt đều là nhân quả thế gian. Đạo diệt cùng mười hai duyên diệt đều là nhân quả xuất thế.

Chữ cố trở xuống là dẫn chứng Phật tánh, luận là luận Đại thừa, có bốn quyển, kia nói chỗ chứng của Tiểu thừa chẳng phải thật thấy Phật tánh. Luống dối tức danh sắc, vô thường tức sinh diệt, chân như tức lý không, tức kinh Pháp Hoa chép: “Người này lúc nào được giải thoát? Chỉ là luống dối gọi là giải thoát, thật ra chưa được giải thoát tất cả.

Kế trong tuệ học định, là lắng lắng, tuệ thủ chiếu dụng động dừng khác nhau, cho nên nói rằng “Nghĩa riêng” đồng một tâm thể cho nên nói là thể đồng. Nước trong là vật hiện, gương sạch thì tượng sinh, định tuệ một hay khác, dụ đó có thể hiểu. Ba phẩm trong Đại thừa tức ba tụ:

- Nhiếp luật nghi
- Nhiếp thiện pháp
- Nhiếp chúng sinh

1. Dứt ác, 2. Tu thiện, 3. Độ sinh. Theo Luận Trí Độ, Nhị thừa chỉ có một tụ dứt ác, tuy có tác trì lại quy về lìa lỗi, không tu phương tiện giáo hoá chúng sinh, không nhiếp thiện để tự điều phục tự độ cho nên không nhiếp chúng sinh. Đây do văn này chỉ nêu luật nghi so sánh đồng khác.

Nói không khác là y theo Viên tông của Nghiệp Sở, nghĩa là đồng ba tụ, kia nói rằng giới chia ba phẩm, y cứ nghĩa thâm chuyên không khác các luật (do chẳng rõ chế nên nói là y cứ nghĩa). Như một giới sát gồm đủ ba ngôi: Dứt các duyên giết, tức nhiếp luật nghi, thường hành tuệ mạng tức nhiếp thiện pháp, hộ sinh mạng trước tức lợi ích hữu tình. Một giới này đã thế, các giới khác cũng vậy (Sớ văn tánh giới đều nêu thuyết này). Nếu luận già giới như giới rượu bấu... là lìa lỗi uống và chứa là nhiếp luật nghi, thường hành đối trị tức nhiếp pháp lành, dứt sự che bai của thế gian tức nhiếp chúng sinh. Nếu lấy giới bốn của Đại Tiểu thừa để chia thì Tiểu thừa giáo là bốn tội Ba-la-di, Đại thừa là mười giới trọng. Bốn Ba-la-di, Đại thừa đồng, còn sáu giới kia đều khác, cho đến chứa của bấu, hơ thân, v.v... tướng khác rất nhiều. lại nói rằng: “Ý hai và ba nói đồng nhiều khác ít. Hệ tâm giới là ngăn xem lướt. Chứ như trở xuống là không khởi tham sân... Như Phạm Võng chế không san tham, không sân. Lại kinh Niết-bàn chép “Cách vách nghe tiếng vòng xuyên, phân biệt nam nữ, tâm nhiễm tịnh” là loại giới.

Trong phần rộng bày, trong Trí Luận vấn, trụ thật tướng là tâm hợp diệu lý, hư không chẳng chỗ có nên không chấp một pháp, đã không chỗ chấp thì không thiện ác, đã không thiện ác thì không trí giới hay phá giới, đã không trì phá thì không có giới, đã không có giới thì nên mặc ý tạo tác, không cần giữ giới tà kiến nhiều đời, cho nên hỏi để giải quyết.

Trong phần đáp dùng phước so sánh tội, không làm phước là không chấp phước tướng cho nên nói rằng không làm. Mỗi món nhân duyên nghĩa là phương tiện hoá đạo, tùy chỗ động dụng đều lìa lỗi.

Trong phần giải thích nghi, văn đầu tiên Luận Địa Trì, Kinh Phật Tạng, đoạn thường hai kiến lấy bỏ khác nhau, cho nên cần thông hiểu thì nói Bồ-tát tùy cơ lập giáo nói trái đến hợp, bao gồm tà kiến không ngoài có không. Chấp có gọi là Thường, chấp không gọi là Đoạn, thân kiến ngã tướng đều là thường kiến. Ác thủ không nghĩa là bác bỏ nhân quả đoạn kiến.

Trong phần đáp, ban đầu giải thích địa trì, giao giống như năng. Kế giải thích Phật tạng, một câu cuối cùng là kết chung hai văn.

Khoa kế do Bồ-tát tu từ nên nghiệp sát để đầu, sân chế tội Ba-la-di nặng. Hoa Nghiêm chép: “Một niệm tâm sân khởi, trăm muôn cửa chướng mở”. Lại nói rằng: “Một niệm khởi sân đoạ ngục Vô Gián” thì biết Bồ-tát riêng chế tâm sân mà không chế tham, cho nên bày lời hỏi này. Chữ trí trở xuống là dẫn giải thích, nêu phàm so sánh Thánh. Cõi sắc, trời, Tứ thiên, năm cái, mười ác đều dứt tham. Thánh đạo xa dục ác, vì thế thanh tịnh. Vốn không được vì vô tử chưa hề trải qua.

Trong Nhiếp Luận, không phân biệt người trí, do trụ Duy thức không có trần bên ngoài, do các trần bên ngoài đều là Duy thức cho nên nói rằng: “Trần không hiển hiện” Luận kia chép: Không phân biệt trí, tự tánh nên biết lia năm món tướng:

Lìa chẳng phải tư duy.

Lìa chẳng phải giác quán địa

Lìa định Diệt thọ tướng vắng lặng (vì không trụ Nhị thừa chấp Không)

Lìa tự tánh sắc. (vì không trụ phàm phu chấp có)

Đối với nghĩa chân thật lìa phân biệt khác (vì không trụ Trung đạo của Bồ-tát).

Thắng trí là không phân biệt, phương tiện nghĩa là dẫn dắt giáo hoá chúng sinh. Trước có lợi ích tức lợi tha, tự không đắm nhiễm tức tự lợi, quyết đủ hai lợi mỗi liền làm, cho nên nói rằng đầu có, v.v.... Chữ y cứ trở xuống là xếp ngôi vị, Sơ địa trở lên, cho nên biết Thập thánh mới cho làm. Địa tiền, Tam Hiền còn chế không cho, hưởng gì các phàm phu đâu thể lạm quyền.

Niết-bàn ban đầu nói tướng trì, dứt sự chê bai ở đời thì gọi là giá giới, giá tánh đồng trì nên nói là không khác. Chữ nhân trở xuống là kế để dụ rõ. Độ biển người dụ cho Bồ tát, La-sát dụ cho ba độc, phao nổi dụ cho giới cụ túc. Chữ hựu trở xuống là xếp ngôi vị. Đầu tiên nương kinh phán phải đến Bát địa. Bất động, Nhiếp Luận chép: “Do tất cả tướng tác ý công dụng không thể động” thì biết bậc Thánh lại phải có

địa sâu. Do sự rất khó, sợ có sự ỷ lạm cho nên nhà dịch kinh lại gấp đối với Luận.

Chữ hoặc trở xuống hiểu văn luận. Tịnh tâm là Sơ địa. Vô Trước nói rằng: “Do thấy pháp tâm tịnh, lia các cấu nhiễm.”

Kế, trong định tuệ do tiểu Bồ-tát thiệp với Đại Tiểu, Tiểu y cứ trí quán, đại y cứ nơi chí cầu tiểu đại tuy khác mà đều là Bồ tát thừa, cho nên lại một phen thấu chung trong đại. Ban đầu bày quán riêng như trên đã nói. Chữ độn trở xuống là kế so sánh cạn sâu. Độn là Tiểu Bồ-tát đối với đại là độn, so với Tập Tiểu thừa thì lợi không phân biệt sắc, khác với Nhị thừa ở trước chia chẻ sắc, cho nên lợi tức là đại Bồ-tát. Không phân biệt, không vượt quả tiểu Bồ-tát, do quán duy thức, trụ ở Trung đạo, rõ tất cả pháp đều là tâm thức, thức chẳng phải sắc không, chẳng phải chẳng sắc không, còn chẳng phân biệt thức hướng chi phân biệt không, nếu biết Duy thức thì trụ thật tướng vô phân biệt.

Trong kết khuyết, khoa đầu, hai câu trên kết trước. Chữ dẫn trở xuống là khuyên học. Ban đầu khuyên lựa chọn, đường như phải mà chẳng phải, cho nên nói rằng giúp nhau. Bọn tà nhiều cho nên nói là như rừng. Chữ lý trở xuống là kế khuyên nhiếp tu, học chung tức giải. Chánh quả tức hạnh, không do tụng lời ấy là ngăn tuệ giác. Chữ như trở xuống là chỉ rộng. Thập Địa tức Kinh Thập Địa và luận Thập Địa. Chữ hựu trở xuống là dẫn bày tiệm học, học rộng trí tuệ nghĩa gồm tư tu, phải đủ ba tuệ. Câu kế ngăn cuồng chọn. Câu sau nêu dụ kiến hiểu, như ra biển sâu dần. Trí Luận chép: “Biển lớn chí độ chỉ có Phật mới tột đáy kia, người sơ tâm cầu học không thể vọi cầu. Bởi tạo không xa, do lý chẳng ngoài sự, được không lia nơi gang tấc, mất nào chỉ ngàn núi cách xa, lo mà tin phục khiến tự được, rồi mới lấy đó, trái phải gặp nguồn kia, buông tâm những điều mong muốn không vượt qua khuôn phép, nếu học như thế mới gọi là học, còn bao nhiêu nhờ hỏi đáng nói.

Trong lại bày, đầu tiên phân biệt ba đạo, tức phàm phu và hai Thánh Đại tiểu. Phàm phu nhờ năng lực thiện không gồm loài người cho nên gọi như vậy. Nhị thừa thấy đều là giác hoá dẫn dắt mà chẳng phải chánh ý cho nên nói rằng gồm tha. Đại thừa phát tâm cầu đạo chánh vì độ sinh. Nhưng phàm phu vì tự mình thì đắm chìm năm dục. Nhị thừa vì tự mình thì thoát khổ sinh tử. Nhị thừa vì người thì nói pháp hiện thân thông. Đại thừa vì người thì cứu khổ ban vui, phát ý là tu nhân riêng, thành quả tức chỗ chứng khác. Chữ nếu trở xuống là bày quán hạnh đồng khác, sự tức cảnh sở quán ở trước đều quán sự cho nên nói là sự đồng. Tâm là trí năng quán, tánh tướng Duy thức cạn sâu khác nhau

cho nên nói là tâm trái.

Chữ thả trở xuống là hiển lược vì tông phi. Nhưng hai thừa Đại Tiểu, giáo môn khó nói, lại dùng bốn nghĩa để nói. Một là giáo riêng quyền thật khác, hai là lý riêng tánh tướng duy thức thiên viên khác. Ba là hạnh riêng vì đế duyên độ. Bốn là quả riêng ba tánh đạo. Lại nữa, nên biết Tiểu thừa chỉ nói một Phật Thích-ca, đại giáo thì bán về ba đời mười phương. Lại Tiểu tông là cảnh giới tông cuộc hạn y cứ Đại thiên. Đại giáo thì chung gồm pháp giới, còn bao nhiêu như bày riêng, sợ rườm rà.

Thứ hai, tùy giải đủ duyên, trong phần phân biệt người, khoa đầu luật Tăng-kỳ thì trước nói già trẻ chưa độ nên chọn. Bảy tuổi trở lên, bảy mươi trở xuống, có trí chịu khổ thì là giáo hạn. Nói trong người già kia quá bảy mươi mà có khả năng chịu đựng thì còn cho xuất gia, nghĩa là làm Sa-di. Chữ nếu trở xuống là chế mình độ nên nhiếp, quá già tức tám chín mươi, quá nhỏ thì chưa đến bảy tuổi. Kinh Ương Quật, lão mẫu là mẹ của Ương-quật-ma-la. Ương-quật nhận lời người ác xúi dục, giết cả ngàn người, dùng lông tay làm tràng, đến khi thiếu một người nữa là đủ số ngàn thì Ương-quật cầm gươm muốn giết mẹ, Phật giáo hoá cho nên dùng kệ ngăn. Hai câu trên khuyên dừng, hai câu dưới dạy tu. Tô nghĩa là tự xét. Dứt nghĩa là dứt dục. Duyên Tinh Phạn mà có ra bốn luật, trước nêu lên sau dẫn văn, quán tức là trí, các hạnh vô thường là cảnh.

Khoa kế, Trí Luận đầu tiên nói chế giáo lựa ý. Hai căn là thân hiệp hai hình. Vô căn nghĩa là không có đường nam hay nữ. Chữ thất trở xuống là giải thích trên không được đạo căn. Bốn câu bốn việc mất tướng nam nữ báo chướng, tâm không định là nghiệp chướng, kiết sử là phiền não chướng, bốn trí tuệ cạn là ba chướng đã nặng, cho nên nhiều ngu si. Kế nói hóa giáo thâm chung, tức trong Phạm Võng hai hình, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, tám bộ quý thần, súc sinh v.v... chỉ hiểu lời Pháp sư đều được thọ giới, y cứ ức chế giáo. Huỳnh môn, hai hình chẳng phải súc sinh, đều xếp vào trọng nạn, hóa giáo đều khai, cho nên nói rằng: “Không đâu chẳng dung”.

Chữ dẫn trở xuống là hiển bày, trong luật chế lý do chọn lựa, đại giáo tuy cho thọ giới, nhưng Luật giới không cho xuất gia. Rừng đầy cây cong dụ cho khó nhỏ, trừ là dày đặc.

Trong phần ba, luật Thiện Kiến, đốt chùa là nạn duyên cho nên khai. Luận ấy chép: “có người muốn xuất gia, Tỳ-kheo biết cha mẹ không cho, nên không dám độ, kia liền nói: “ Nếu tăng không độ tôi sẽ

đốt chùa” Phật nói: “cho độ”. Ngũ Bách Vấn nói về chế phạm, đầu tiên dẫn bày, chữ thử trở xuống là quyết thông. Ban đầu y cứ nghĩa quyết phạm, chữ như trở xuống là dẫn văn mở bày. Luận tức Thiện Kiến, đầu tiên nói độ người cha mẹ, pháp vua cho. Chữ hựu trở xuống là nói độ người giặc bắt, lúc đầu nghĩa là chưa bán cho người, không tổn tiền người kia, vì trải qua chủ tổn tiền cho nên không cho độ. Thử cho họ là kiến hoàn lương, y theo lý được độ, ba tạng không đoán cho nên nói là không có văn.

Trong phần hai, trước nói việc khổ cho biết khó để sau khỏi hối hận, cho nên văn nêu năm việc: một là trụ, trụ tức là ngồi. Hai, Số nói rằng: một khi ngồi kiết già thì trọn thời mới đứng dậy. Ba là ngủ, tức kinh nói “Giữa đêm tụng kinh để tự tiêu tức”. Bốn là tiết độ ăn uống. Năm là siêng học.

Luật Tứ phần thì có mười món, nghĩa là chịu nổi gió, mưa, lạnh, nóng, đói, khát, độc trùng, lời ác, ăn một bữa, trí giới.

Trong phần ba, Tức phần đầu tiên cấm chứa nhiều, kể nói cách pháp xin. Thứ ba là chỉ đức của thầy. Pháp độ người tức kiến-độ thọ giới, như quyển thượng đã dẫn. Luật Tăng-kỳ đầu tiên nói được chứa chế hạn. Chữ nếu trở xuống là kể nói khuyên khiến người độ, lìa lỗi nhiều quyền thuộc, văn tự dạy bảo, như dùng pháp cứu giúp chung vì không kia đây. Chữ hựu trở xuống là chia phẩm vị. Khu ô, Luật do trẻ nhỏ xuất gia, A-nan không dám độ, Phật nói “ Nếu có thể đuổi quạ trên đồ ăn thì cho độ”. Ứng pháp là chánh hợp vị Sa-di, do năm năm nương thầy điều luyện thuần thực, có khả năng tiến lên thọ giới cụ túc. Danh tự vốn là vị tăng mà duyên chưa đến.

Trong phần bốn, phạm khí tức kết giới trọng Ba-la-di, thì biết xuất gia bỏ tâm cần quyết, phụ tạng dứt nợ đều không được lấy, cho nên nói rằng “cũng đồng”.

Thứ hai là tác pháp, trong phần đầu thưa chúng. Trước nói chỗ đặt, thấy mà không nghe vì sợ nghe yết-ma. Thứ tác trở xuống là nói tác bạch, trước nêu ra ý thưa bèn dẫn bốn duyên để nói cần làm, nay phần nhiều không làm pháp diệt. Vì phải đáp không lỗi ấy, là sợ người hỏi nhau, chúng tăng không biết đáp có sai, cho nên công sự gọi là công xảo, Luận do người kia đến xin xuất gia, Tỳ-kheo cho độ chúng tăng không biết. Sau cha mẹ đến tìm hỏi, tăng đều nói không thấy, sau tìm được ở trong chùa, bèn chê bai rằng: “Độ con tôi mà nói là không thấy”. Phật nói tác pháp trước bày đầu mối, thưa chúng trình bày thẳng tình ý, không cần nói nhiều lời hoa mỹ bóng bẩy. Kêu nêu ra yết-ma là

“mỗ giáp kia là người thế tục, theo hoà-thượng mỗ giáp” nếu theo tuý cơ yết-ma, câu thứ hai nên nhắc lại duyên rằng: “Mỗ giáp kia muốn cầu Tỳ-kheo mỗ giáp cạo tóc”, câu thứ tư nói : Cho mỗ giáp cạo tóc, lời nói rõ ràng, nên y theo văn kia. Chử Luận trở xuống là nói lời thưa, không nhọc bình pháp.

Trong phần thỉnh sư, đầu tiên thỉnh Hoà-thượng dạy rằng ấy là phải là người ở bên chỉ bày, ngày nay gọi là người dẫn thỉnh nên trước nói rằng: Sở dĩ thỉnh Hoà-thượng là do xuất gia cội gốc là chỗ quay về, nếu không có người này thì nương vào đâu học, thiếu sự dạy dỗ, ông phải chí thành thờ phụng khắc chí bày lời, sợ ông không thể làm được, nay ta dạy ông”, rồi sau đó thỉnh. Phải thỉnh ba lần, là bày sự ân cần trịnh trọng. Cho nên nay có ba lần xướng xin thương xót, tức phải ba biến là truyền lẫm.

Chữ kỳ trở xuống là kế thỉnh xà-lê, lời thỉnh đồng, chỉ đổi tên. Xà-lê nhiều bậc cho nên chú giải phân biệt. Trong lời tác pháp nghĩa phải nêu riêng. Trong nghi thức nêu rằng “Các bộ đều nói, bốn luận sự nghi phần nhiều không đủ. “Chữ Như trở xuống là nêu mỗi việc.

Trong giải thích tiết văn có mười hai đoạn, thứ lớp hành sự không lẫn lộn nhau. Trong phần đầu ở chỗ trống khiến cho chúng thấy. Nước thơm rưới là khiến sạch sẽ. Chu vi bày thước là khiến gần nhau. Bốn góc treo phướn lọng trang nghiêm khiến phát sinh điều thiện, ngày nay phần nhiều ở chánh điện, chỉ nên làm việc trang nghiêm đúng lúc. Nhưng phần nhiều có Phật sau lưng lập toà mà ngồi, không biết là khinh mạn Phật, dè dặt chớ bắt chước.

Khoa kế, ban đầu nói từ thân (từ cha mẹ), ngày nay lại thêm lời từ tạ vua, vì khi vào đạo ở vị tôn quý không còn lạy cha mẹ và vua, cho nên miệng nói kệ là nên khiến người quỳ bên dạy. Văn kệ nửa trên nói tổn tại gia, nửa dưới nói lợi ích xuất gia, bỏ ân cắt ái tình. Vào vô vi là đến cảnh Thánh, cho nên biết trong đạo Nho nói thuận sắc, thừa ý, lập thân, nêu tên đều là tình đời chưa là thật báu. Luật Thiện Kiến say đắm, nay sợ thời gian lâu trệ chúng, chuẩn bị sai tẩm (có chỗ cho rưới nước thơm lên đánh vì trừ hơi người tại gia, chưa rõ văn).

Trong phần ba, đầu tiên khiến nhiếp nhau. Chữ ưng trở xuống là kế vì nói pháp. Tóc lông v.v... là khiến quán bất tịnh hư huyễn không thật thì sẽ nhàm hoạn sinh tử. Chử hữu trở xuống là nói lý do mới, từng quán nghĩa là thói quen đời trước, ung liên dụ cho căn cơ. Ngày khác so sánh pháp, nhưng nói pháp thì phải lường cơ, tùy thời dùng hay bỏ, không hẳn chỉ y cứ gốc này. Hoà-thượng nói, nay phần nhiều là Xà-lê.

Trong phần bốn khiến hưởng ngôi, y cứ mà biết cần phải quỳ gối. Nước thơm rưới đánh khiến thân thể sạch sẽ, có khả năng thọ nhận pháp lành, cho nên trong kệ câu trên khen chí cương quyết. Câu kệ khen tâm trí khai ngộ. Thứ ba khen bỏ vọng về chân. Câu cuối chỉ ba món trên, gồm khen khó có thể.

Trong phần năm, dạy lễ Phật là đầu tiên vào đạo khiến biết quy về kính mến. Trong bài kệ, hai chữ trên nói về tâm năng quy. Nửa câu kệ khen cảnh sở quy. Đại Thế tôn là thầy trời, người. Độ ba cõi vì lòng đại bi. Hai câu dưới lập thế, tự tha gồm lợi là hạnh đại sĩ, vui vô vi là đạo Niết-bàn.

Trong phần sáu, văn sai ở bên dạy, nay hoặc hợp chúng đồng xướng cũng được. Văn kệ sinh thiện, hai chữ trên nói oai nghi bên ngoài, ba chữ kể nói chí bên trong, giữ gìn không biến đổi gọi là giữ. Câu thứ hai nói trí dụng. Hai câu ba và bốn nói việc làm, vì hoằng đạo độ người xuất gia là việc chính. Chú giải nêu ra, kệ này cũng xuất xứ từ kinh Phước Điền.

Trong phần bảy, Kinh Chu-la âm nghĩa nói rằng: Hán dịch là Tiểu, Phạm Tăng nói là tiểu kế (kinh kia tự dẫn). Lưu năm ba là đến đầu số kia lưu lại một, cũng được y cứ biết cạo tóc vốn là Hoà-thượng, sợ kia phiền lâu cho nên Xà-lê dứt trừ những thứ còn lại, chỉ để lại ít cho Hoà-thượng chính thân cạo. Ngày nay trước tự cạo chừa chùm tóc nhỏ, chẳng phải ý bốn giáo. Lại nói rằng “Bốn bên phải để tám chín chùm tóc nhỏ, tiêu biểu cho tám địa phiền não sau, một chùm trên hết tiêu biểu một địa phiền não ở Hữu đảnh, vì ở trên khó dứt, khiến thầy cạo truyền lầm đã lâu. Người có hiểu biết nên sửa đổi. Khi chánh thức cạo hợp chúng tụng lời chúc xuất gia trước.

Trong phần tám, ba trao cho lời dạy đến riêng. Ba hoàn là tiêu biểu lời khiêm nhường. Lời kệ vốn do Hoà-thượng nói, nay cũng ở người trên dạy. Hai câu trên là khen y giải thoát, nhuộm hoại sắc, cắt rọc vì không đắm nhiễm thế gian. Ruộng phước Vô tướng là phước vô lậu xuất thế vì lìa tướng hữu vi (có chỗ nói rằng vô tướng tức mạn y là sai). Hai câu dưới là khích lệ. Câu trên tự làm như nương. Câu dưới hành lợi tha.

Trong phần chín, khiến lễ Phật là vẽ vui mừng hiện ra ở thân. Lại nói kệ là bày ra rồi. Nửa trên lời kệ là hay vui, câu trên là tự vui mừng, câu dưới là người mừng. Nửa kệ dưới là chỗ mừng, câu trên mừng duyên hội, câu dưới mừng được pháp. Phước lành đều là nhân đời trước, thời tức duyên ngày nay.

Trong phần mười, đầu tiên thiết lễ là tạ ơn chứng minh. Ở dưới

toà ấy, là khiến tham dự chúng khiến vui mừng. Nhận đích thân lễ bái là hình mạo vừa khác thì tôn ty liền khác. Chũ xuất trở xuống là bày ý kham nhận, y cứ vào văn ngồi rồi mới lạy giống như khiến ngồi nhận, lý cũng không tổn. Nay hoặc đứng cũng là nghi thức ấy.

Phần thứ mười một, trước phải thủ dương sinh. Mười hai là cạo tóc rồi thọ quy giới, theo luận thì năm giới vốn là giới của người tại gia thọ, nay tuy xuất gia hình đồng thể là thế tục, cho nên được cho thọ, nếu không thọ thì mất thứ lớp, cho nên ở đây nói văn, ở đời có người không hiểu liền muốn bỏ, lại cho rằng luận Tỳ-ni Mẫu là bộ khác. Vả lại, trước nói “Nên dùng các bộ nói rõ cách lập nghi thức xuất gia, sao lại không dùng văn này? Há chẳng phải chỗ tệ của tình ư?”

Hỏi: Cạo tóc đắp y đâu gọi là Ưu-bà-tắc được?

Đáp: Hình đồng xuất gia thể là Ưu-bà-tắc. Như trong đủ số vốn thọ không được, tuy là cạo tóc vẫn gọi là người tại gia, nay gọi Ưu-bà-tắc có gì không được?

Sớ chép: “Dùng pháp chia tục mới dứt kia đây (nghĩa là thọ mười giới rồi mới xuất gia) đâu cho thân hình, áo quần làm ngại ư? Nên có hai hạng: một là hình đồng xuất gia, thể còn là thế tục không ngại giới thế tục. Hai là pháp đồng, là thọ mười giới, đã là xuất gia thì không thể thọ giới tại gia.

Hỏi: Nếu bỏ không thọ thì có giới hay không?

Đáp: Nếu không thọ mười giới, mà thọ thẳng cụ túc cũng được ba giới đốn được, cho nên biết năm giới không do đâu mà bỏ.

Hỏi: Nếu vậy, đốn được nay bỏ không thọ có lỗi gì?

Đáp: Vì mất thứ lớp, sớ dẫn Luận Bà-sa nói: “Nhuộm y học tập Phật pháp quyết phải thứ lớp” được vị Phật pháp ưa thích vững chắc khó có thể lui sụt, không phá oai nghi, một thời thọ là trái với trước nên mất thứ lớp, lại phá oai nghi, v.v...

Lại theo Ni sao “Không thọ năm giới mà thọ thẳng mười giới thì đắc giới, nhưng mắc tội, còn lại bao nhiêu như Nghiệp số thọ pháp có nói rộng.

Thứ ba là trong thọ pháp tác bạch, chỉ đồng ở trước tức trong cạo tóc hai pháp đều Xa-lê thừa. Mỗ giáp kia là người thọ. Theo mỗ giáp tức Hoà-thượng. Trong phần hai, do người xuất gia quyết nương Hoà-thượng, không đồng năm giới chỉ có một người. Trong phần ba do năm giới làm duyên cho mười giới, mười giới là duyên giới cụ túc, cho nên quyết trước năm sau mười.

Trí luận chép: “Do năm giới sinh mười giới, do mười giới sinh giới

cụ túc”. Thiệt giới kinh nói: “Trước năm, kế mười, thứ ba cụ túc, thứ tư giới Bồ-tát, thí như làm lầu bốn tầng, không từ tầng đầu đến tầng hai là không có lý, cho đến không do tầng ba đến tầng tư là không có lý v.v...” Như đây nói rõ, đâu được hoài nghi.

Trong phần bốn, ban đầu nói chánh nghi, kế là bác bỏ chẳng phải pháp luật, văn chỉ chế năm pháp: Bày vai bỏ giày, quì gối, chấp tay, lễ dưới chân. Vốn không có nghi thức nắm y, lại chẳng phải ý tôn kính, cho nên đặc biệt điểm đó để dứt lạm dụng về sau.

Trong phần năm, đầu tiên bày chỗ, đã làm đơn bạch, nghĩa là đối tăng. Chữ lý trở xuống là bày vấn duyên. Lập thắng duyên là nói pháp khai đạo mở bày tâm cảnh đến hỏi già v.v... xưa nói rằng: “Trong năm tội nghịch chỉ bất luận tăng phá mà đều là bạn giúp. Như người nữ không thể phá Ni thọ hỏi” đủ làm chủ chứng minh. Nay phải hỏi đủ mười ba trọng nạn, trong gia trừ số tuổi, y, bát, chỉ hỏi mười ba. Sau chỉ cho đồng tăng, tức thiên thọ giới.

Ba quy y trong hai thể, chữ ngôn trở xuống là phát được nghiệp thể, cho nên chỉ chánh thêm là giới thể. Theo Nghiệp số chia làm năm: Một là bày tên mình, hai là quy ba cảnh, ba là nay tội trở xuống là chỉ nói lại tùy xuất gia (y cứ biết ông trước hình, tuy vào đạo mà thể chưa xuất gia. Số chép: dùng pháp chia tục, sức bật kia đây). Bốn, mỗi giáp làm Hoà-thượng là thân nương có gốc pháp tựa truyền tâm. Năm là Như lai v.v... là sợ lạm các vị tôn kính khác cho nên chỉ riêng (nghĩa là Tam bảo có cả chánh tà, nói trước chỗ quy là chân chánh).

Trong ba tướng, trọn đời thọ là nói thời kỳ. Không sát sinh là bày giới tướng. Giới Sa-di này, là chỉ pháp theo người. Hỏi đáp rất dễ hiểu, còn bao nhiêu đều y cứ theo mà biết. Từ sát đến tửu là năm, sáu tràng hoa, bảy là ca múa, tám là giường cao, chín là ăn phi thời, mười là cầm vật báu.

Tràng hoa, phong tục ở Tây Trúc phần nhiều kết các loại hoa thành tràng đội trên đầu, đeo trên cổ, hoặc thoa dầu thơm vào mình, Nghiệp số chép: Xương nghĩa là phượng tuồng, dùng người làm việc ca múa” Kỹ chung cả nam nữ, tức người tấu nhạc.

Khoa kế là nói công đức, biết mình là bậc tôn thắng không nên tự khinh. Núi dụ cho không thể qua, biển dụ cho không thể cùng, hư không dụ cho không có bờ mé. Vì công đức vô lậu giải thoát này vượt qua tất cả pháp hữu vi, sau khiến tùy thời là phải dẫn trước khuyên chớ tổn ích. Khéo léo mở bày lấy ngộ làm đầu, không chỉ tụng lời cho nên chú, v.v...

Trong phần ba, trước giải thích giường cao. Tám ngón là y cứ tay Phật, tức thước sáu. (Kinh) Tăng nhất chép: “Vàng, bạc, ngà, sừng, giường của Phật, của thầy, của cha, của mẹ đủ là tám món”. Tuỳ tướng tức trong chín mươi.

Kế giải thích sinh tượng. Sinh sắc là màu vàng (kim), thiên sinh là vàng (huỳnh), tư sắc là bạc, có thể nhuộm, thoa. Tự là tượng (giống) hội tên ở trên. Sinh tượng là dịch Hồ làm Hán, chưa rõ tiếng Hồ. Vàng bạc toàn là tiếng Hán là nói trùng lặp, cho nên nói rằng hai chượng. Hồ, Hán hợp lại nói là Hoa, Phạm. Nói theo xưa thì xưa gọi Phạm là Hồ, vì pháp đầu tiên đến đất Hán.

Trong phần bốn, trước y cứ hai văn, đầu tiên y cứ trí đại tiểu, nói đủ là kiên-độ đại tiểu trì giới, tức văn sau tạp kiên-độ, nói Đại Tăng, Sa-di trì giới đồng tướng. Kia nói gia tánh vâng giữ đều đồng với tăng. Kế y cứ hai luật tức là văn ba chúng đều tội Đội-cát-la. Chử cố trở xuống là kế y cứ quyết định. Tăng thọ đã khắp trần sa, nói tướng chỉ bày bốn trọng cho nên có thể nêu lẫn nhau.

Trong phần năm, có hai giải thích: Một là lý không, hai là lược không. Trong năm đức, Kinh Phước Điền chép: Phật bảo Đế-thích “Tăng có năm tịnh đức gọi là ruộng phước” (do đủ năm đức này có công năng sinh phước cho thế gian) Nay Nghiệp sở giải thích: Đức thứ nhất, đã nhầm chán trần tục, Thánh đạo xuất thế thường đeo mang. Đức thứ hai, thay hình đổi tánh, chí dứt sự xa hoa, hình và y phục tương ứng. Đức thứ ba, kính giữ ba môn học đến chết không thôi (kinh ấy và yết-ma đều nêu thứ tư, nay Sao truyền chép lộn) Đức thứ tư, cắt ái theo đạo, bỏ cả thân sơ. Thích âm thích, không màng thân sơ. Đức thứ năm, là vâng hành cực giáo, gồm giúp người khác, là hạnh Đại Sĩ. Năm đức này là đại yếu xuất gia, năm chúng đều phụng thờ không chỉ tiểu chúng, trọn đời thực hành không chỉ lúc mới thọ.

Sớ chép: “đức đây trước sau chung cả năm chúng đều nhận vật nuôi người, làm khuôn mẫu trời, người, cho nên khiến tụng trì không khinh thọ thể và hình phục.

Trong sáu niệm, đầu tiên chỉ đồng. Không đồng thế tục ấy là phân biệt lạ. Hoà giáo khiến niệm Tam bảo và giới, thiên, thí gọi là sáu niệm. Thế không Sa-di là Đại tăng, đến dưới nói riêng. Năm nay nhược can tức là năm sinh, mỗi niên đẳng tức năm thọ giới xuất gia. Chử dĩ trở xuống là bày ý, đại tăng chỉ ghi thời phần đức giới không nhớ năm sinh. Sa-di sinh pháp hai năm do chia trên dưới nên phải ghi nhớ.

Trong mười số, thứ nhất chỉ nêu ngoại kế, Nghiệp sở tục chép

“Phật pháp không như vậy, thân nhờ cơm giúp, cơm để giúp thân, lấy đạo giúp thân, cho nên thân nhờ duyên cơm tu đạo hạnh, luận về chí đạo. Cốt yếu tu là đắm trước là gốc, không biết người đạo bèn dùng đoạn thực làm đạo cho nên phải cần phá.

Trong phần hai, Sớ chép rằng: Phật pháp không như vậy, nội báo, ngoại báo đều có bốn nhân, các chúng sinh đều có nhân danh sắc (danh tức tâm) tâm không thể thấy, chỉ có thể nói bàn, bắt đầu từ chi thức, cho nên chuyển thành danh, nhờ nhiệm trí thức tức nhiễm danh sắc, gã thai tạng kia xoay vần thêm lớn, đủ tháng liền sinh ra được tự nhiên.

Trong phần ba, trước nêu rằng: nghĩ khổ vui, xưa dịch là ngũ chất, tức là ba thọ. Thống là khổ thọ, dương là vui, thọ tướng là xả thọ, văn thoát ngoài chấp. Sớ chép: “Phật pháp không như vậy”. Sinh thương ghét, thật do ấm làm gốc, nào can gì đến thiên. Đầu tiên niệm duyên sắc danh thức, hiểu suốt thiên tịnh là tướng, lãnh nạp trai thuận là thọ. Do ba tướng (khổ, lạc, xả) liền sinh ba thọ, do ba thọ nên liền có ba hạnh, vì thế luân hồi chìm đắm không giải thoát.

Trong phần bốn, Sớ chép: chúng sinh biết khổ không có đế, bậc Thánh biết khổ có đế. Phàm Thánh đều do nhân quả đâu nói là không.

Trong phần năm, Sớ chép: Phật pháp rộng phá ngã ở chỗ nào, là ở trong sắc hay là trong thức, tính trong thân này chỉ có năm ấm, tuy ấm chấp ngã, thì có năm món ly hợp như vậy (và lại năm ấm có một ngã riêng thì là ly, nếu chỉ một ngã thì ở sắc, thời bốn ấm khác nên không tức là hợp). thứ lớp cầu tìm ngã không từ đâu, liền ngộ vọng chấp được lý vô ngã, chia thành vô lậu giống như bậc Thánh.

Trong phần sáu, quýnh là cánh cửa, Sớ làm sáu cửa, Phật pháp không như vậy. Thức tùy căn khởi, nếu là một thức thì đâu thể trong nhãn căn mà nghe tiếng?

Trong phần bảy, khước tức là ngược. Quán trước là ngược, quán sau là thuận. Sớ chép: do được năm thần thông. Trong quán thuận nghịch, ngoài tám muôn kiếp mờ mịt không giao phó chấp là minh đế. Chuyển cuộc chỉ, là nêu dụ biển. Nghĩa là dùng cuộn chỉ từ núi cao buông xuống, cuộn chỉ hết thì dừng để dụ không tu. Sớ phá rằng: Phật pháp không như vậy, muốn cần phương tiện thêm tu bèn phê bình, như bảy giác chi, phân biệt chánh lý mới đến nơi được, làm sao có không tu?

Trong phần tám, ba học của ngoại đạo đều là tà, chim gà v.v... do thấy cầm, súc nay bác đã hết nghiệp xa, sẽ khởi sinh lên các tầng trời cõi sắc kia. Không suy nghĩ viên nhân nghĩa là tức báo này, liền bắt

chước loài súc sinh kia ăn cỏ bất tịnh. Đồng tám thiền, nghĩa là tu thiền thế gian nghĩa là Niết-bàn, tà tuệ tức chỗ thấy của kia. Tà kiến như lên núi cao. Nằm cho gai... Phật pháp không như vậy. Bốn y là duyên Thánh đạo, tám chánh là nhân Thánh đạo đều giúp tâm thành. Quán dụng so sánh sâu thấy tướng điên đảo, liền được ra.

Trong phần chín, ban đầu bày ngoại chấp, cõi dục hợp thành một. Bốn thiền, Bốn không là chín cư. Vô Tướng là định giới. Phi tướng là định Vô sắc. Tâm chìm đắm ấy, Sớ chép: “Thô tâm bất giác, nghĩa là hiểu đại lý, đại thực vọng. Chữ thử trở xuống là điểm phá chín cư ba cõi, đã là chỗ ở của chúng sinh tức chẳng phải Niết-bàn.

Trong phần mười, ban đầu nêu ra ngoại chấp. Sớ chép: kia tu tăng thêm tu định duyên sắc trụ tâm, dùng sắc diệt cõi Dục, dùng không diệt cõi Sắc. Chữ kim trở xuống là chánh phá. Hai câu trên điểm phi. Mười chỗ tức là định tướng nghĩa là đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng, không, thức. Môn đầu tiên là vào đạo, nên gọi là mười nhập, cũng gọi là mười biến xứ. Như quán sắc xanh, ban đầu dùng chút phần sắc xanh quán đó khiến khắp tất cả chỗ đều xanh, cho đến không thức cũng như vậy, cho nên nói rằng tự tâm vận dụng. Chữ thật trở xuống là nói chánh pháp, kế dẫn Trí luận bày lý do không được xa lìa.

Trong phần kết, câu đầu chỉ trước, hai câu kế bày ý hỏi. Thiện kiến trở xuống là dẫn chứng. Pháp nào tức nương bộ nào thọ giới, lại hỏi ai là Hoà-thượng, Xà-lê, cho nên nói là “đẳng”.

Thứ tư, trong phần phân biệt chung, khoa đầu là yết-ma, không ở số là do làm các pháp thuyết chọn trừ cho nên nói buông. Không được riêng là trong bốn chúng mà nói. Y cứ giới đồng tăng ấy là văn chỉ tự nhiên, y cứ hai cõi. Tác pháp một giới nương giới hạn của tăng, do chúng riêng hai pháp, quyết nương giá giới. Chữ minh trở xuống là dẫn chứng. Kia có mười bảy biệt trụ như kiết giới đã dẫn chữ Ni đẳng trở xuống là chúng đều có biệt trụ nên nói là cho đến. Biệt giới nghĩa là có trụ xứ riêng, chẳng phải tác pháp kiết. Thí riêng nghĩa là thí chủ nêu ý thí những người nào, không chung thứ khác.

Khoa kế, ban đầu nêu phi xưa. Chữ kim trở xuống là nói chánh nghĩa, nhưng pháp có nhiều khác nhau. Tự tức tăng pháp Sa-di tự tứ lớn nhỏ đối nhau. Phi thời vào xóm thông báo chúng sau. Ni bạch vào chùa tăng thì đối tỷ-kheo. Trong Ngũ Bách Vấn khai chung bốn chúng, hoặc là không pháp tâm niệm, xưa có chỗ y cứ nên cho giữ.

Trong bày riêng pháp khác, khoa đầu trước bày thọ trì. Chữ đương khứ thính, đều nói đáng vì chẳng phải chánh y, chữ duy trở xuống là nêu

pháp thọ. Thọ giới là mười giới, không phạm lấy hạnh thanh tịnh.

Khoa kế, đầu tiên là pháp thọ bát và toạ cụ, ba chúng đều đồng. Kế nói trăm lễ một. Chữ nhược trở xuống là thứ ba nói thuyết tịnh, đạo tục hai chủ, y báu hai tịnh, không khác với Tăng.

Trong phần ba, đầu tiên nói xả đoạ. Chữ nhược trở xuống là kể nói các thiên trên dưới. Có che giấu phải trị, nghĩa là thực hành biệt trụ. Nhược ba trở xuống là thứ ba nói phạm tội nặng, phép sám đều đồng, chỉ có tội là khác, phạm tội nặng quyết diệt tận không khai sám hối.

Trong phần bốn, ban đầu chánh bày. Chữ thập trở xuống là dẫn chứng, luật Tứ phần, giới du hành tức giới Ni. Kế nói chúng pháp thuyết giới, trong ban đầu, văn chia làm bốn:

Nói chúng đủ. Chữ minh trở xuống là thứ hai nói đến nhóm, dặn trao tức thuyết dục. Chữ chí trở xuống là thứ ba, nói xuất chúng, lại có ba: một rời toà, hai lễ chúng, ba nhận dạy khác thường. Chữ dự nên viết là dự này, nghĩa là chen vào. Thời tức tụng lược giáo rồi lại nhóm nghe tựa sau.

Trong biệt hạnh, đầu tiên nói nhóm chúng chú giải khiến xem xét sợ có người không nhóm, cho nên kế nói hành sự. Nói rằng pháp đồng tăng tức xướng bạch, hành thủy, v.v... đưa chọn vào tăng là do giới kinh cũng nói rằng: “Sa-di Oai nghi Giới bốn một quyển”. Chữ vị là viết lầm nên là chữ tụng. Chữ chí trở xuống là thứ tư nói nhập Tăng. Chữ thử trở xuống là chỉ trước khiến tìm xem, tự thấy lý do được nghe hai lời tựa trước sau, do đó chỗ thuật của bộ chủ chẳng phải chánh giới bốn.

Hỏi: Luật chế Tỳ-kheo không được nói tên năm thiên cho Sa-di nghe, mà tựa trước nói rằng bốn khí v.v... vì sao được nghe?

Đáp: Nêu chung tên chung không nói tướng riêng, chuẩn bị cho chúng sinh kia kính mến cho nên được nghe.

Trong Tự tứ, chung riêng đồng ở trên, y cứ như thuyết giới. Trước đã sai nêu ra đến Tăng tự tứ rồi nên phải đánh chuông nhóm lại. Hai chung là phạm tướng đồng với tăng cho nên phạm chung. Trên được trị dưới cho nên nêu chung.

Trong pháp riêng tất cả đồng tăng cho nên không nêu ra.

Thứ năm, trong phần lược chỉ, tuy là vị dưới nhưng đều phát trần sa, không khác với tăng nên đều chỉ ra.

Trong phần dẫn rộng, khoa đầu biết hổ thẹn, nghĩa là không làm các lỗi. Thiệt trụ nghĩa là trụ chỗ lành.

Trong pháp làm thầy, ban đầu gồm răn dạy. Chữ đương trở xuống là kể bày riêng, văn bày thiệt ác không nêu ra ba nghiệp. Không nhất

định, loạn ngôn, do loạn ngôn nên không nhất định. Tịnh hay bất tịnh, hoặc y cứ vì tăng làm tịnh, hoặc y cứ tự biết trì phạm.

Trong thứ hai, luận Tát-bà-đa chỉ rõ đào đất khai chế, luật Ngũ Phần bày chung tất cả pháp chế, Tứ Phần lược bày tướng phạm, còn bao nhiêu có thể y cứ mà biết, cho nên nói rằng lệ.

Trong phần ba, đầu tiên nói lời thầy. Nếu trị trở xuống là kế bày tướng trị. Chữ nếu không trở xuống là thứ ba chế phạt cấp. Chữ bất ứng trở xuống là thứ tư nói đồng lợi. Luật Tứ phần cấp phòng có lượng đáng chăng?

Trong bác bỏ sai lầm, xưa cho là chúng sau phạm đồng năm giới, tám giới, không quan hệ thiện tụ cho nên có chung đây. Thừa tức là nhiều, chữ thừa trở xuống là bác bỏ lời người, nêu ra phạm tình, chánh giáo nêu ra ý Thánh, cho nên phải y theo giáo không thể y theo người.
